

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29 – 6 - 2026

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lén; ông Trần Duy Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Tiên - Thư ký Tòa án nhân khu vực 14 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – An Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thái Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 177/2026/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2026 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 427/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 478/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Bà Neáng Sóc P, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh An Giang, (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Chau T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ D, ấp P, xã Ô, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

Người phiên dịch tiếng Khmer: Ông Kim S, sinh năm 1964 – Chức vụ: Cán bộ hưu trí.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn bà Neáng Sóc P trình bày: Do tự tìm hiểu, yêu thương nhau nên bà Neáng Sóc P và ông Chau T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ô, huyện T, tỉnh An Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã Ô, tỉnh An Giang) theo số 25, quyển số 01/2015, ngày 25 tháng 02 năm 2015. Sau khi kết hôn thì bà Neáng Sóc P và ông Chau T chung sống tại ấp T, xã T, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống được 03 (ba) tháng thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, nói chuyện không hợp nhau, ông Chau T thường xuyên ghen tuông và bỏ nhà đi nên vợ chồng đã ly

thân từ lúc đó cho đến nay gần 10 năm, không còn liên lạc. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà Neáng Sóc P yêu cầu được ly hôn với ông Chau T. Ngoài ra, về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là chuyện riêng của vợ chồng, bà Neáng Sóc P không có trình báo cho cơ quan quản lý nhà nước về gia đình về hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân phát sinh tranh chấp. Về con chung: Bà Neáng Sóc P và ông Chau T không có con chung nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Chau T đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Neáng Sóc P có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Chau T không có yêu cầu phản tố và đã được Tòa án nhân dân khu vực 14 - An Giang triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Neáng Sóc P và ông Chau T.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Chau T cư trú tại ấp P, xã Ô, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân khu vực 14 - An Giang thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15, ngày 25 tháng 6 năm 2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ô, huyện T, tỉnh An Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã Ô, tỉnh An Giang) ngày 25 tháng 02 năm 2015 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn trong quá trình chung sống thường xuyên bất đồng quan điểm, không có hạnh phúc. Bị đơn đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, trong đó có thông báo về thụ lý vụ án; thông báo phiên hòa giải, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa án tham dự, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng đúng thời gian, địa điểm theo quy định pháp luật. Từ đó cho thấy bị đơn không có thiện chí trong việc hoà giải đoàn tụ nên việc hàn gắn tình cảm cùng nhau xây dựng gia đình là không thể thực hiện được. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà Neáng Sóc P và ông Chau T không có con chung nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung, bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bà N Sóc Phon khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Chau T không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật số 85/2025/QH15, ngày 25 tháng 6 năm 2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

- Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16 tháng 5 năm 2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Neáng Sóc P.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Neáng Sóc P được ly hôn với ông Chau T.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Neáng Sóc P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số: 303555 ngày 23 tháng 3 năm 2026

của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, bà Neáng Sóc P đã nộp đủ án phí, ông Chau T không phải chịu án phí.

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 14 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Phòng THADS khu vực 14 – An Giang;
- UBND xã Ô Lâm;
- Các đương sự; p
- Lưu HS & VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Ngọc Hà